

Số: 161 /BCB-TTYT

Thủy Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP**

Kính gửi: Sở Y tế Hải Phòng

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **TRUNG TÂM Y TẾ THỦY NGUYÊN**

- Cơ sở 1: Trung tâm Y tế Thủy Nguyên

+ Số giấy phép hoạt động: 001407/HP-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp lại lần 4 ngày 08/01/2026

+ Địa chỉ: Tổ dân phố Thủy Sơn 6, Phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

+ Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII Lê Khắc Tùng - Giám đốc Trung tâm Y tế

- Cơ sở 2: Cơ sở Điều trị II Quảng Thanh

+ Số giấy phép hoạt động: 000120/HP – GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế thành phố Hải Phòng ngày 22/01/2018

+ Địa chỉ: Tổ dân phố Quảng Thanh 3, Phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng

+ Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI Bùi Thị Thái - Trưởng cơ sở

Điện thoại liên hệ: 0225.3.774.814

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Phụ lục 1 (đính kèm).

- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y học dự phòng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng Hàm Mặt;
- Chức danh Y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa;
- Chức danh Y sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền;
- Chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng;

- Chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề hộ sinh;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học.
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học.
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa: Nội khoa, Hồi sức cấp cứu và chống độc, Tai mũi họng, Mắt, Phụ sản, Ngoại khoa, Chấn thương chỉnh hình, Nhi khoa, Da liễu, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm, Phục hồi chức năng.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: Phụ lục 2 (đính kèm).

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: Phụ lục 3 (đính kèm).

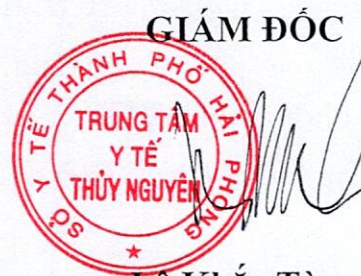
5. Chi phí thực hành các chức danh: Phụ lục 3 (đính kèm).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm Bản công bố: Phụ lục 1,2,3, Nội dung thực hành./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Lãnh đạo TTYT;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, TCHC.



Lê Khắc Tùng



PHỤ LỤC 1
ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HÀNH

(Phụ lục kèm theo Bản công bố số 161 /BCB-TTYT ngày 25/02/2026)

STT	Đối tượng	Thời gian thực hành (tháng)	Ghi chú
I	Bác sĩ		
1	Bác sĩ y khoa	12	
2	Bác sĩ y học cổ truyền	12	
3	Bác sĩ y học dự phòng	12	
4	Bác sĩ răng hàm mặt	12	
5	Bác sĩ chuyên khoa (Nội khoa, Hồi sức cấp cứu và chống độc, Tai mũi họng, Mắt, Phụ sản, Ngoại khoa, Chấn thương chỉnh hình, Nhi khoa, Da liễu, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm, Phục hồi chức năng)	12	
6	Bác sĩ đã có Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề có chứng chỉ đào tạo cơ bản các chuyên khoa sau: Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Mắt, Da liễu, Gây mê hồi sức, Nội khoa, Ngoại khoa, Chấn thương chỉnh hình, Phụ sản, Nhi khoa, Hồi sức cấp cứu và chống độc, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm.	9	
II	Điều dưỡng	6	
III	Hộ sinh	6	
IV	Y sĩ	9	
1	Y sĩ đa khoa		
2	Y sĩ y học cổ truyền		
V	Kỹ thuật y	6	
1	Hình ảnh y học		
2	Xét nghiệm y học		
3	Phục hồi chức năng		



PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số 161 /BCB-TTYTN ngày 25/02/2026)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
1	Đỗ Thị Thu Hằng	14/10/1980	Bác sĩ CKII	Bác sĩ - Trưởng khoa Nội 1	004686/HP-CCHN	17/3/2014	KB, CB Nội khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
2	Phạm Văn Duy	02/12/1980	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó trưởng khoa Nội 1	000257/HP-CCHN	18/6/2012	KB, CB Nội tổng hợp	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
3	Đỗ Thị Nguyên	13/04/1991	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó trưởng khoa Nội 1	009702/HP-CCHN	22/02/2017	- KB, CB Nội khoa; - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa Nhi theo QĐ số 65/QĐ-SYT ngày 14/01/2019 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
4	Phạm Thị Giang	01/06/1992	Bác sĩ	Bác sĩ	010326/HP-CCHN	04/4/2018	KB, CB Nội khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
5	Nguyễn Thị Nhung	22/09/1996	Bác sĩ	Bác sĩ	012701/HP-CCHN	27/6/2022	KB, CB đa khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
6	Phan Thanh Tùng	12/12/1987	Bác sĩ	Bác sĩ	012697/HP-CCHN	27/6/2022	KB, CB đa khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
7	Lê Văn Khánh	22/01/1965	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Trưởng khoa Nội 2	003323/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB Nội khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
8	Hoàng Thị Huyền	09/01/1991	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa Nội 2	009703/HP-CCHN	22/02/2017	KB, CB Nội khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
9	Cù Thị Hà	06/04/1992	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	010418/HP-CCHN	25/5/2018	KB, CB Nội khoa.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
10	Bùi Thị Thu	18/09/1995	Bác sĩ	Bác sĩ	012158/HP-CCHN	11/3/2021	KB, CB Nội khoa.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
11	Đỗ Thị Thu Hiền	21/04/1996	Bác sĩ	Bác sĩ	012698/HP-CCHN	27/6/2022	KB, CB đa khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
12	Nguyễn Nhật Dương	23/09/1996	Bác sĩ	Bác sĩ	012573/HP-CCHN	18/5/2022	KB, CB đa khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
13	Nguyễn Văn Trường	10/09/1996	Bác sĩ	Bác sĩ	012539/HP-CCHN	26/4/2022	KB, CB đa khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
14	Chu Hồng Thanh	27/11/1977	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Trưởng khoa CC-HSTC-CD	003344/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB Nội khoa; CDHA.	Bs y khoa; Bs YHCT; Bs YHDP; bs RHM; bs chuyên khoa (Nội, Hồi sức cấp cứu và chống độc, Tai mũi họng, Mắt, Phụ sản, Ngoại, Nhi, Da liễu, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm, Phục hồi chức năng); Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT; KTY hình ảnh y học; KTY XNYH; KTY PHCN; Hộ sinh
15	Vũ Văn Lâm	14/09/1988	Bác sĩ	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa CC-HSTC-CD	006301/HP-CCHN	02/8/2014	KB, CB Nội khoa.	
16	Nguyễn Xuân Hoàn	12/08/1987	Bác sĩ	Bác sĩ	009952/HP-CCHN	09/9/2017	KB, CB Nội khoa.	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
17	Đào Minh Quang	18/10/1971	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Trưởng khoa Truyền nhiễm	003328/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB đa khoa hệ Nội - Nhi; - Bổ sung phạm vi Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh theo QĐ số 256/QĐ-SYT ngày 08/3/2017 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
18	Đào Thanh Toàn	05/05/1979	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	008966/HP-CCHN	05/5/2016	KB, CB Nội khoa.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
19	Vũ Thị Thu Hà	17/09/1991	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	009701/HP-CCHN	22/02/2017	- KB, CB Nội khoa; - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa Nhi theo QĐ số 2656/QĐ-SYT ngày 20/12/2018 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
20	Đỗ Thị Nhung	18/7/1993	Bác sĩ	Bác sĩ - Phó trưởng khoa Truyền nhiễm	011503/HP-CCHN	10/4/2020	KB, CB chuyên khoa Nội.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
21	Bùi Văn Hải	05/07/1979	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Trưởng khoa Khám bệnh	000916/HP-CCHN	15/10/2012	KB, CB Nội tổng hợp	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
22	Phạm Thị Quế	19/08/1971	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	000373/HP-CCHN	11/07/2012	KB, CB Nội tổng hợp	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
23	Lê Trung Phong	05/08/1978	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa Khám bệnh	006309/HP-CCHN	02/08/2014	KB, CB chuyên khoa Nội khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
24	Phạm Văn Thép	09/08/1970	Bác sĩ	Bác sĩ	004685/HP-CCHN	17/03/2014	KB, CB Nội khoa - Bổ sung phạm vi Chụp và đọc phim X quang thường quy theo QĐ số 576/QĐ-SYT ngày 21/5/2018 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
25	Lê Thị Minh Hương	22/06/1981	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	003337/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB chuyên khoa Nội.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
26	Trần Thị Thuần	29/05/1987	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa Khám bệnh	004690/HP-CCHN	17/03/2014	KB, CB Nội khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
27	Trương Văn Trường	12/11/1988	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	011293/HP-CCHN	10/3/2020	KB, CB chuyên khoa Nội	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa
28	Bùi Thị Thái	15/01/1973	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Trưởng cơ sở ĐT II Quảng Thanh, Người chịu TNCMKT	000214/HP-CCHN	15/06/2012	KB, CB Nội tổng hợp; - Bổ sung phạm vi Chuyên khoa xét nghiệm theo QĐ số 260/QĐ-SYT ngày 08/3/2017 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Xét nghiệm; KTY Xét nghiệm y học
29	Phạm Văn Huân	28/01/1986	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	009322/HP-CCHN	26/10/2016	KB, CB Nội khoa; - Bổ sung phạm vi KB, CB Tai Mũi Họng thông thường/ Đọc phim X-quang theo QĐ số 331/QĐ-SYT ngày 30/3/2017 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK TMH
30	Đỗ Thị Hoài	06/02/1986	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	003349/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB Nội khoa - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa Da Liễu theo QĐ số 198/QĐ-SYT ngày 18/02/2019 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs YHCT; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Da liễu
31	Lý Thị Thùy Liên	27/07/1990	Bác sĩ	Bác sĩ	012189/HP-CCHN;	11/03/2021	KB, CB chuyên khoa Da Liễu	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs YHCT; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Da liễu
32	Nguyễn Thị Hồng	13/04/1967	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	001147/HP-CCHN	23/11/2012	KB, CB CK Mắt; KB, CB Nội tổng hợp.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Mắt

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
33	Nguyễn Thị Mơ	26/07/1980	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa RHM-Mắt-TMH	000335/HP-CCHN	11/07/2012	KB, CB Nội tổng hợp; - Bổ sung phạm vi KB, CB CK Mắt theo QĐ số 1106/QĐ-SYT ngày 18/10/2016 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Mắt
34	Nguyễn Minh Huấn	20/07/1986	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa RHM-Mắt-TMH	009840/HP-CCHN	06/07/2017	KB, CB chuyên khoa Tai Mũi Họng	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK TMH
35	Bùi Thu Hiền	14/01/1982	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó trưởng khoa RHM-Mắt-TMH	003322/HP-CCHN	24/12/2013	KB, CB chuyên khoa Tai Mũi Họng	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK TMH
36	Vũ Thị Hương	11/02/1973	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Trưởng khoa RHM-Mắt-TMH	006416/HP-CCHN	20/8/2014	KB, CB chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK RHM
37	Lê Đức Mạnh	14/08/1981	Bác sĩ	Bác sĩ	003347/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK RHM
38	Đỗ Văn Đại	19/05/1993	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó trưởng khoa RHM-Mắt-TMH	010954/HP-CCHN	25/04/2019	KB, CB chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK RHM
39	Chu Hồng Ngọc	18/12/1994	Bác sĩ	Bác sĩ	012275/HP-CCHN	10/6/2021	KB, CB chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK RHM
40	Đào Văn Điệp	30/04/1966	Bác sĩ CKII	Bác sĩ - Trưởng khoa Ngoại	003331/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB chuyên khoa Ngoại	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại; Bs HSCC

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
41	Nguyễn Văn Huy	12/06/1990	Thạc sĩ bác sĩ	Bác sĩ - Phó trưởng khoa Ngoại kiêm PTP KH-NV	009704/HP-CCHN	22/02/2017	KB, CB chuyên khoa Ngoại	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại; Bs HSCC
42	Dương Đình Quang	02/01/1993	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	010866/HP-CCHN	04/3/2019	KB, CB chuyên khoa Ngoại.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại; Bs HSCC
43	Nguyễn Trung Hiếu	28/09/1995	Bác sĩ	Bác sĩ	012353/HP-CCHN	19/7/2021	KB, CB chuyên khoa Ngoại.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại; Bs HSCC
44	Hoàng Đình Đại	21/8/1996	Bác sĩ	Bác sĩ	012700/HP-CCHN	27/6/2022	KB, CB chuyên khoa Ngoại.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại; Bs HSCC
45	Nguyễn Văn Tuất	07/05/1971	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó trưởng khoa Ngoại	000215/HP-CCHN	15/6/2012	KB, CB chuyên khoa Ngoại	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại; Bs CK Chấn thương chỉnh hình, Bs HSCC
46	Bùi Văn Hường	24/04/1972	Bác sĩ CKII	Bác sĩ - Phó Giám đốc (trước hợp nhất)	003330/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB chuyên khoa Ngoại; - Bổ sung phạm vi Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh theo QĐ số 783/QĐ-SYT ngày 29/8/2014 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại; Bs CK Chấn thương chỉnh hình, Bs HSCC
47	Đông Xuân Minh	20/01/1979	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	003341/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB chuyên khoa Ngoại	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại; Bs CK Chấn thương chỉnh hình, Bs HSCC

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
48	Vũ Đình Thịnh	05/09/1994	Bác sĩ	Bác sĩ	011657/HP-CCHN	19/6/2020	KB, CB chuyên khoa Ngoại	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại, Bs HSCC
49	Trương Thanh Quý	04/9/1988	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	000551/HP-CCHN	04/04/2018	- KB, CB Nội khoa; - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa Tâm thần theo QĐ số 201/QĐ-SYT ngày 18/02/2019 của SYT HP - Bổ sung phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại khoa theo QĐ số 81/QĐ-SYT ngày 10/01/2026 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại; Bs HSCC
50	Đỗ Việt Lâm	17/07/1996	Bác sĩ	Bác sĩ	012699/HP-CCHN	27/06/2022	KB, CB chuyên khoa Ngoại	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs CK Ngoại; Bs HSCC
51	Bùi Minh Khôi	07/10/1984	Bác sĩ CKII	Bác sĩ - Phó Giám đốc (trước hợp nhất) kiêm Trưởng phòng KH-NV	006942/HP-CCHN	17/12/2014	KB, CB Hồi sức cấp cứu; Chuyên khoa GMHS	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs GMHS; bs HSCC
52	Nguyễn Thị Thu Hương	06/10/1991	Bác sĩ	Bác sĩ - Trưởng khoa Phẫu thuật - GMHS	000056/HP-CCHN	31/3/2017	KB, CB chuyên khoa Gây mê - Hồi sức	Bs GMHS
53	Trịnh Văn Trung	02/02/1983	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	012013/HP-CCHN	01/4/2021	KB, CB chuyên khoa Gây mê - Hồi sức	Bs GMHS
54	Phạm Thị Thanh Thủy	22/09/1970	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Trưởng khoa Chăm sóc SKSS và Phụ sản	000776/HP-CCHN	17/9/2012	KB, CB chuyên khoa Sản phụ khoa-KHHGD	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Sản; bs HSCC; Hộ sinh

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
55	Hà Thị Bích Thủy	23/03/1987	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa Chăm sóc SKSS và Phụ sản	003350/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB chuyên khoa Sản	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Sản; bs HSCC; Hộ sinh
56	Lại Thị Thùy Linh	18/11/1985	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	003026/HP-CCHN	08/12/2013	KB, CB chuyên khoa Sản phụ khoa-KHHGD	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Sản; bs HSCC; Hộ sinh
57	Nguyễn Thị Hương	04/11/1971	Bác sĩ	Bác sĩ	000017/HP-CCHN	31/3/2017	KB, CB chuyên khoa Sản phụ khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Sản; bs HSCC; Hộ sinh
58	Vũ Thị Hiền	01/01/1992	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	010465/HP-CCHN	27/10/2020	KB, CB chuyên khoa Sản phụ khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Sản; bs HSCC; Hộ sinh
59	Đình Thị The	10/08/1969	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	000006/HP-CCHN	13/4/2012	Phòng khám chuyên khoa Sản-KHHGD	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Sản; bs HSCC; Hộ sinh
60	Lê Thị Kim Lan	11/05/1973	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	000137/HP-CCHN;	23/4/2012	Phòng khám chuyên khoa Sản-KHHGD	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Sản; bs HSCC; Hộ sinh
61	Nguyễn Thị Thu Thủy	23/03/1995	Bác sĩ	Bác sĩ	012728/HP-CCHN	08/7/2022	KB, CB chuyên khoa Sản phụ khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Sản; bs HSCC; Hộ sinh
62	Hoàng Thị Hồng Vinh	11/06/1973	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Trưởng khoa Nhi	001297/HP-CCHN	26/12/2012	KB, CB chuyên khoa Nhi	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Nhi; bs HSCC

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
63	Nguyễn Thị Hồng	04/06/1984	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa Nhi	000375/HP-CCHN	11/07/2012	KB, CB chuyên khoa Nội tổng hợp; - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa Nhi theo QĐ số 258/QĐ-SYT ngày 08/3/2017 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Nhi; bs HSCC
64	Đào Thanh Huyền	09/11/1980	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	006306/HP-CCHN	02/08/2014	KB, CB chuyên khoa Nhi	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Nhi; bs HSCC
65	Chu Thị Phượng	05/06/1986	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	003339/HP-CCHN	25/12/2013	KB, CB Nội khoa; - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa Nhi theo QĐ số 259/QĐ-SYT ngày 08/3/2017 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Nhi; bs HSCC
66	Bùi Thị Thiện	29/05/1983	Bác sĩ	Bác sĩ	010304/HP-CCHN	09/03/2018	KB, CB Nội khoa, Nhi khoa	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs Nhi; bs HSCC
67	Vũ Văn Bộ	04/02/1976	Bác sĩ CKII	Bác sĩ - Trưởng khoa YHCT- PHCN	009514/HP-CCHN	15/12/2016	KB, CB bằng YHCT; KB, CB CK phục hồi chức năng.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs YHCT; bs PHCN; Y sĩ YHCT
68	Nguyễn Huy Công	03/05/1980	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa YHCT-PHCN	003343/HP-CCHN	25/12/2013	- KB, CB bằng YHCT; - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa PHCN theo QĐ số 200/QĐ-SYT ngày 18/02/2019 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs YHCT; bs PHCN; Y sĩ YHCT

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
69	Phạm Thị Kim Phượng	20/02/1978	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa YHCT-PHCN	003346/HP-CCHN	25/12/2013	- KB, CB bằng Y học cổ truyền; - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa Phục hồi chức năng theo QĐ số 2429/QĐ-SYT ngày 10/11/2018 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs YHCT; bs PHCN; Y sĩ YHCT
70	Nguyễn Văn Tuyển	12/03/1987	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	009757/HP-CCHN	10/05/2017	KB, CB bằng Y học cổ truyền; - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa Phục hồi chức năng theo QĐ số 2431/QĐ-SYT ngày 10/11/2018 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs YHCT; bs PHCN; Y sĩ YHCT
71	Nguyễn Văn Khải	06/08/1988	Bác sĩ	Bác sĩ	010325/HP-CCHN	04/04/2018	KB, CB bằng Y học cổ truyền; - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa Phục hồi chức năng theo QĐ số 199/QĐ-SYT ngày 18/02/2019 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs YHCT; bs PHCN; Y sĩ YHCT
72	Bùi Hồng Nhật	12/08/1991	Bác sĩ CKI	Bác sĩ	011796/HP-CCHN	28/7/2020	KB, CB bằng YHCT	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs YHCT; Y sĩ YHCT
73	Nguyễn Công Bằng	10/07/1969	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Trưởng PV - Người chịu TNCMKT	010375/HP-CCHN	19/4/2018	KB, CB bằng Y học cổ truyền; - Bổ sung phạm vi KB, CB chuyên khoa Phục hồi chức năng theo QĐ số 2430/QĐ-SYT ngày 10/11/2018 của SYT HP	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs YHCT; bs PHCN; Y sĩ YHCT

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
74	Đoàn Thị Linh	09/11/1988	Bác sĩ	Bác sĩ	006422/HP-CCHN	10/5/2021	KB, CB bằng YHCT	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs YHCT; Y sĩ YHCT
75	Lê Thị Hồng	02/03/1983	Bác sĩ	Bác sĩ - Phó trưởng cơ sở ĐT II Quang Thanh	007816/HP-CCHN	05/12/2017	KB, CB bằng YHCT;	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; bs Nội khoa; Y sĩ đa khoa; Bs YHCT; Y sĩ YHCT
76	Nguyễn Thị Tường	01/10/1976	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Trưởng khoa Xét nghiệm	003340/HP-CCHN	25/12/2013	Chuyên khoa Xét nghiệm	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; Bs Xét nghiệm; KTY Xét nghiệm y học
77	Nguyễn Thị Thúy Hằng	26/07/1989	Bác sĩ	Bác sĩ - Phó trưởng khoa Xét nghiệm	012186/HP-CCHN	11/03/2021	Chuyên khoa Xét nghiệm (Vi sinh)	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; Bs Xét nghiệm; KTY Xét nghiệm y học
78	Nguyễn Thị Ngoan	03/11/1992	Cử nhân xét nghiệm	Kỹ thuật y	008795/HP-CCHN	10/04/2016	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY Xét nghiệm y học
79	Bùi Thu Nga	16/08/1995	Cử nhân xét nghiệm	Kỹ thuật y	011198/HP-CCHN	16/10/2019	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY Xét nghiệm y học
80	Nguyễn Thị Huế	26/03/1992	Cử nhân xét nghiệm	Kỹ thuật y	008796/HP-CCHN	10/04/2016	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY Xét nghiệm y học
81	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	27/08/1990	Cử nhân xét nghiệm	Kỹ thuật y	006475/HP-CCHN	18/05/2022	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY Xét nghiệm y học
82	Vũ Tuấn Duy	25/01/1993	Cử nhân xét nghiệm	Kỹ thuật y	007937/HP-CCHN	18/05/2022	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY Xét nghiệm y học

PH
TÁ
Ế
GUY

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
83	Đặng Thị Thanh Lý	03/10/1998	Cử nhân xét nghiệm	Kỹ thuật y	012538/HP-CCHN	26/4/2022	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY Xét nghiệm y học
84	Đình Như Toàn	10/08/1972	Bác sĩ CKI	Bác sĩ - Phó Trưởng khoa Phụ trách khoa CDHA	006759/HP-CCHN	17/12/2014	Chuyên khoa CDHA.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; Bs CDHA; KTY hình ảnh y học
85	Vũ Anh Chính	25/05/1971	Bác sĩ	Bác sĩ	003327/HP-CCHN	25/12/2013	Chuyên khoa CDHA.	Bs y khoa; Bs Y học dự phòng; Bs CDHA; KTY hình ảnh y học
86	Trần Văn Thiệu	07/12/1994	KTV CD	Kỹ thuật y	001715/HP-CCHN	28/04/2017	KTV hình ảnh y học.	KTY hình ảnh y học
87	Nguyễn Thanh Tùng	08/10/1993	KTV CD	Kỹ thuật y	010681/HP-CCHN	01/10/2018	KTV hình ảnh y học.	KTY hình ảnh y học
88	Nguyễn Hùng Anh	06/02/1968	KTV CD	Kỹ thuật y	004612/HP-CCHN	07/03/2014	KTV chụp X quang.	KTY hình ảnh y học
89	Nguyễn Đức Lộc	05/01/1985	KTV CD	Kỹ thuật y	004613/HP-CCHN	07/03/2014	KTV chụp X quang	KTY hình ảnh y học
90	Đào Ngọc Dũng	27/7/1987	KTV CD	Kỹ thuật y	004606/HP-CCHN	07/03/2014	KTV chụp X quang	KTY hình ảnh y học
91	Phạm Ngọc Tuyên	01/3/1983	KTV chụp X quang	Kỹ thuật y	006931/HP-CCHN	13/02/2015	KTV chụp X quang	KTY hình ảnh y học
92	Lê Văn Thủy	27/3/1989	KTV chụp X quang	Kỹ thuật y	007936/HP-CCHN	06/11/2015	KTV chụp X quang	KTY hình ảnh y học
93	Đặng Văn Long	22/9/1989	KTV chụp X quang	Kỹ thuật y	004610/HP-CCHN	07/03/2014	KTV chụp X quang	KTY hình ảnh y học

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
94	Lê Thị Hồng Nhung	09/07/1986	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng -Điều dưỡng Trưởng khoa Nội 1	003965/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
95	Nguyễn Thị Nguyệt	28/02/1987	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	006994/HP-CCHN	15/4/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
96	Phạm Thị Kim	17/11/1982	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	003998/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
97	Trần Thị Hằng	15/06/1980	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng - Điều dưỡng Trưởng khoa Nội 2	007170/HP-CCHN	30/7/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
98	Hoàng Thị Lan	16/11/1988	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004620/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
99	Đông Thị Luyến	08/09/1989	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004617/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
100	Trịnh Thị Huyền	05/06/1989	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004695/HP-CCHN	17/3/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
101	Đặng Thị Phương	16/12/1994	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	009014/HP-CCHN	21/6/2016	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
102	Bùi Thị Tâm	16/08/1994	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	010327/HP-CCHN	4/4/2018	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hưởng dẫn thực hành
103	Đỗ Yên Nhi	25/12/1993	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	007232/HP-CCHN	11/9/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngách Điều dưỡng	Điều dưỡng
104	Đào Thị Oanh	15/07/1987	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng	003986/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngách Điều dưỡng	Điều dưỡng
105	Nguyễn Thị Anh	22/02/1985	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	005789/HP-CCHN	19/5/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngách Điều dưỡng	Điều dưỡng
106	Vũ Thị Thu Trang	28/8/1992	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	006543/HP-CCHN	01/11/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngách Điều dưỡng	Điều dưỡng
107	Phạm Thị Thanh	21/06/1987	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	003963/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngách Điều dưỡng	Điều dưỡng
108	Nông Thị Tuyết	09/10/1990	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	006875/HP-CCHN	05/02/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngách Điều dưỡng	Điều dưỡng
109	Lê Ánh Tuyết	23/06/1990	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	005786/HP-CCHN	19/5/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngách Điều dưỡng	Điều dưỡng
110	Nguyễn Thị Bám	12/06/1969	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng - Điều dưỡng Trưởng khoa Ngoại	000171/HP-CCHN	29/05/2012	Dịch vụ y tế Bổ sung phạm vi Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 theo QĐ số 761/QĐ-SYT ngày 28/7/2016 của SYT HP	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
111	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/10/1986	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng	003979/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
112	Phùng Thị Huệ	12/10/1987	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	005784/HP-CCHN	19/05/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
113	Đình Chính Anh Thủy	30/06/1983	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng - Điều dưỡng Trưởng khoa CC-HSTC-CD	004642/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
114	Vũ Ngọc Hà	26/08/1980	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004651/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
115	Hồ Mạnh Quỳnh	24/04/1981	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004637/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
116	Nguyễn Văn Hưng	20/12/1991	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng	008248/HP-CCHN	26/11/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
117	Phạm Thị Cẩm Ly	27/07/1993	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	008247/HP-CCHN	26/11/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
118	Trần Thị Thu	10/12/1992	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	006993/HP-CCHN	15/4/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
119	Tổng Thị Hương Lan	09/02/1974	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng - Điều dưỡng Trưởng khoa Nhi	005777/HP-CCHN	19/5/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng.	Điều dưỡng
120	Nguyễn Thị Mai Hương	07/02/1991	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	007169/HP-CCHN	30/07/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
121	Bùi Thị Thiện	02/01/1984	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng - Điều dưỡng Trưởng khoa Truyền nhiễm	003951/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
122	Lã Thị Vũ Quang	23/07/1977	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	003959/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
123	Bùi Thị Thanh	18/03/1985	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	003956/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
124	Lê Hữu Tới	10/01/1986	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004702/HP-CCHN	17/03/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
125	Lê Thị Dung	06/08/1983	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng - Điều dưỡng Trưởng khoa Khám bệnh	003981/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
126	Đông Thị Hằng	08/09/1981	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	003978/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
127	Lê Thị Nga	15/01/1983	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004694/HP-CCHN	17/03/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
128	Nguyễn Thị Tuyết Mai	27/06/1982	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	005791/HP-CCHN	19/05/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
129	Nguyễn Thị Châu	20/08/1985	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	003987/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
130	Nguyễn Thị Thu	20/01/1992	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	009659/HP-CCHN	20/02/2017	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015.	Điều dưỡng
131	Vũ Thị Mỹ Thanh	23/01/1991	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	010081/HP-CCHN	16/10/2017	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	Điều dưỡng
132	Nguyễn Thu Hương	21/07/1987	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng	004624/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
133	Hoàng Thị Thủy	20/03/1983	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004638/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
134	Vũ Thị Nga	27/10/1987	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004623/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng

HAI PHỒ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
135	Hoàng Thị Liên	10/04/1987	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng	004625/HP-CCHN	07/03/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng
136	Trần Thị Hằng	02/09/1987	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004691/HP-CCHN	17/03/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng
137	Đỗ Thị Hào	06/03/1992	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	006941/HP-CCHN	01/11/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng
138	Lương Thị Thu Hằng	01/12/1987	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	005778/HP-CCHN	19/05/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng
139	Bùi Thị Vui	11/07/1985	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng - Điều dưỡng Trưởng khoa RHM-Mắt-TMH	004699/HP-CCHN	17/03/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng
140	Vũ Văn Phương	25/05/1970	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng - Điều dưỡng Trưởng khoa YHCT-PHCN	006770/HP-CCHN	05/01/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngành Điều dưỡng/KTV VLTL-PHCN	Điều dưỡng
141	Lã Thị Tính	30/01/1984	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004648/HP-CCHN	07/03/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngành Điều dưỡng - Bổ sung phạm vi KTV VLTL - Phục hồi chức năng theo QĐ số 1017/QĐ-SYT ngày 03/7/2018 của SYT HP	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
142	Đỗ Thị Lý	01/06/1992	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	006990/HP-CCHN	15/04/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
143	Nguyễn Thị Hân	04/12/1982	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng - Điều dưỡng Trưởng CSĐT II Quảng Thanh	003969/HP-CCHN	14/02/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
144	Hoàng Đắc Hà	09/02/1975	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng - Điều dưỡng Trưởng khoa Phẫu thuật - GMHS	004679/HP-CCHN	17/3/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
145	Lại Thị Mùi	22/06/1979	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	003961/HP-CCHN	14/2/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
146	Đào Thị Dung	01/12/1983	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	004689/HP-CCHN	17/03/2014	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
147	Nguyễn Thị Liên	18/07/1989	Điều dưỡng ĐH	Điều dưỡng	006876/HP-CCHN	05/02/2015	Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	Điều dưỡng
148	Nguyễn Thị Hải Hà	06/09/1977	Hộ sinh ĐH	Hộ sinh	004628/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT ngạch Hộ sinh	Hộ sinh
149	Nguyễn Thanh Sâm	21/02/1978	Hộ sinh ĐH	Hộ sinh	005779/HP-CCHN	19/5/2014	Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT ngạch Hộ sinh	Hộ sinh

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn (ghi theo văn bằng, chứng chỉ được cấp)	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Số CCHN/ GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN/GPHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
150	Nguyễn Thị Kim Oanh	28/12/1980	Hộ sinh ĐH	Hộ sinh	004682/HP-CCHN	17/3/2014	Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT ngành Hộ sinh	Hộ sinh
151	Lê Thị Thúy Hằng	01/07/1982	Hộ sinh ĐH	Hộ sinh	004631/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT ngành Hộ sinh	Hộ sinh
152	Hà Thị Hiền	17/08/1984	Hộ sinh ĐH	Hộ sinh - Hộ sinh trưởng khoa Chăm sóc SKSS và Phụ sản	004633/HP-CCHN	07/3/2014	Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT ngành Hộ sinh	Hộ sinh

PHỤ LỤC 3
SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN VÀ CHI PHÍ
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO CÁC CHỨC DANH

(Phụ lục kèm theo Bản công bố số 161/BCB-TTYT ngày 25/02/2026)

STT	Đối tượng	Số lượng người có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành	Chi phí hướng dẫn thực hành (đồng/tháng)
I	Bác sĩ		
1	Bác sỹ y khoa	10	2.000.000 đồng/tháng/ người thực hành hoặc thoả thuận theo hợp đồng thực hành
2	Bác sỹ y học cổ truyền	10	
3	Bác sỹ y học dự phòng	10	
4	Bác sỹ răng hàm mặt	10	
5	Bác sỹ chuyên khoa (12 tháng)		
	Bác sỹ nội khoa	10	
	Bác sỹ hồi sức cấp cứu và chống độc	5	
	Bác sỹ tai mũi họng	5	
	Bác sỹ mắt	5	
	Bác sỹ phụ sản	5	
	Bác sỹ ngoại khoa	5	
	Bác sỹ chấn thương chỉnh hình	5	
	Bác sỹ nhi khoa	5	
	Bác sỹ da liễu	5	
	Bác sỹ gây mê hồi sức	5	
	Bác sỹ xét nghiệm	5	
	Bác sỹ chẩn đoán hình ảnh	5	
	Bác sỹ phục hồi chức năng	5	
6	Bác sĩ đã có Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề có CC đào tạo cơ bản (09 tháng)		
	Bác sỹ nội khoa	15	

STT	Đối tượng	Số lượng người có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành	Chi phí hướng dẫn thực hành (đồng/tháng)
	Bác sỹ hồi sức cấp cứu và chống độc	5	
	Bác sỹ tai mũi họng	5	
	Bác sỹ mắt	5	
	Bác sỹ phụ sản	5	
	Bác sỹ ngoại khoa	5	
	Bác sỹ chấn thương chỉnh hình	5	
	Bác sỹ nhi khoa	10	
	Bác sỹ da liễu	5	
	Bác sỹ gây mê hồi sức	5	
	Bác sỹ xét nghiệm	5	
	Bác sỹ chẩn đoán hình ảnh	5	
	Bác sỹ răng hàm mặt	5	
	Bác sỹ y học cổ truyền	10	
	Bác sỹ phục hồi chức năng	5	
II	Điều dưỡng	20	
III	Hộ sinh	20	
IV	Y sỹ		
1	Y sỹ đa khoa	5	
2	Y sỹ y học cổ truyền	10	
V	Kỹ thuật y		
1	Hình ảnh y học	5	
2	Xét nghiệm y học	5	
3	Phục hồi chức năng	5	

Số: 244 /QĐ-TTYT

Thủy Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành nội dung hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho các chức danh chuyên môn tại Trung tâm Y tế Thủy Nguyên

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THỦY NGUYÊN

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 5363/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hợp nhất Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên và Trung tâm Y tế Thủy Nguyên thành Trung tâm Y tế Thủy Nguyên; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Thủy Nguyên trực thuộc Sở Y tế Hải Phòng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng KH-NV;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này nội dung hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho các chức danh chuyên môn tại Trung tâm Y tế Thủy Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng, phó các khoa, phòng, bộ phận và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo TTYT;
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Khắc Tùng

Stt	Đối tượng	Tổng thời gian thực hành	Hội sức cấp cứu	Nội khoa	Ngoại khoa	Phụ Sản	Nhi khoa	YHCT	PHCN	Tai mũi họng	Răng Hàm mặt	Mắt	Tâm thần	Da liễu	Chẩn đoán hình ảnh	Xét nghiệm	Chuyên khoa tương ứng với PVHĐCM
	chuyên khoa sau: Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Mắt, Da liễu, Gây mê hồi sức, Nội, Ngoại, Chấn thương chỉnh hình, Sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu và chống độc, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm.																
5	Điều dưỡng	6	1	1	1			0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5			
6	Hộ sinh	6	1			5											
7	Y sỹ đa khoa	9	3	1	1	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5				
8	Y sỹ Y học cổ truyền	9	3	1	0,5			3,5	1								
9	Kỹ thuật y Hình ảnh y học	6	1												5		
10	Kỹ thuật y Xét nghiệm y học	6	1													5	
11	Kỹ thuật y Phục hồi chức năng	6	1						5								

- Chuyên khoa Nội: Các khoa Nội 1, Nội 2, Truyền nhiễm, Khám bệnh

PHỤ LỤC 2
CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH CHO CÁC CHỨC DANH CHUYÊN MÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 244/QĐ-TTYYT ngày 25/02/2026
của Trung tâm Y tế Thủy Nguyên)

**1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ
VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y KHOA**

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sỹ y khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ y khoa.

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sỹ y khoa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục V Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CĐ	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội 1/Nội 2/Truyền nhiễm/ Khám bệnh	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	1 tháng
4	Sản khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	1 tháng
5	Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng
6	Mắt	Khoa RHM-Mắt-TMH	0.5 tháng
7	Tai mũi họng		0.5 tháng
8	Răng hàm mặt		0.5 tháng
9	Y học cổ truyền	Khoa YHCT-PHCN	1 tháng
10	Phục hồi chức năng		0.5 tháng
11	Tâm thần	Khoa Ngoại	0.5 tháng
12	Da liễu	Khám bệnh	0.5 tháng
13	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa CĐHA	0.5 tháng
14	Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.
- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.
- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.
- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.
- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sỹ y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ y học cổ truyền.

- Người có văn bằng cử nhân y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sỹ y học cổ truyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CD	3 tháng
2	Y học cổ truyền	Khoa YHCT-PHCN	4,5 tháng
3	Phục hồi chức năng		1 tháng
4	Nội khoa	Khoa Nội 1/Nội 2/Truyền nhiễm/ Khám bệnh	1 tháng
5	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	0.5 tháng
6	Mắt	Khoa RHM-Mắt-TMH	0.5 tháng
7	Tai mũi họng		0.5 tháng
8	Răng hàm mặt		0.5 tháng
9	Da liễu	Khoa Khám bệnh	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ y học dự phòng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ y học dự phòng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề y học dự phòng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

.NH
RUM
Y
UYA
*

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CD	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội 1/Nội 2/Truyền nhiễm/ Khám bệnh	1.5 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	1 tháng
4	Sản khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	1 tháng
5	Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng
6	Y học cổ truyền	Khoa YHCT-PHCN	1 tháng
7	Phục hồi chức năng		0.5 tháng
8	Mắt	Khoa RHM-Mắt-TMH	0.5 tháng
9	Tai mũi họng		0.5 tháng
10	Răng hàm mặt		0.5 tháng
11	Da liễu	Khoa Khám bệnh	0.5 tháng
12	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	0.5 tháng
13	Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

GT
TẾ
GUY

4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ RĂNG HÀM MẶT

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ răng hàm mặt, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ răng hàm mặt.

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sĩ răng hàm mặt theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ Răng hàm mặt phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VIII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CD	3 tháng
2	Răng hàm mặt	Khoa RHM-Mắt-TMH	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.



- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

5. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên chuyên khoa (Nội, Hồi sức cấp cứu và chống độc, Tai mũi họng, Mắt, Phụ sản, Ngoại, Nhi, Da liễu, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm, Phục hồi chức năng) nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa tương ứng.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên khoa (Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Mắt, Da liễu, Gây mê hồi sức, Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu và chống độc, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm) nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa tương ứng.

1.3. Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản (chuyên khoa Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Mắt, Da liễu, Gây mê hồi sức, Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu và chống độc, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm) nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa tương ứng.

1.4. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5. Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa tương ứng.

2. Mục tiêu: Sau thời gian thực hành đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh

- Trường hợp thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 12 tháng:

+ 03 tháng thực hành hành Hồi sức cấp cứu tại khoa CC-HSTC-CĐ

+ 09 tháng tại chuyên khoa tương ứng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CĐ	3 tháng
2	Chuyên khoa tương ứng với PVHĐCM	Khoa tương ứng với PVHĐCM	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

* Đối với Bác sĩ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc:

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CD	9 tháng
2	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	1 tháng
3	Sản khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	1 tháng
4	Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

- Trường hợp thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 09 tháng:

+ 09 tháng tại chuyên khoa tương ứng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Chuyên khoa tương ứng với PVHĐCM	Khoa tương ứng với PVHĐCM	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của trung tâm.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của trung tâm.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

6. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng cao đẳng điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng điều dưỡng.

- Người có văn bằng cử nhân điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân điều dưỡng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

Khoa học xã hội và tự nhiên: Hiểu biết sâu rộng về các nguyên lý khoa học xã hội và tự nhiên, áp dụng vào việc chăm sóc và phòng ngừa bệnh tật.

Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe và Điều dưỡng: Có kiến thức chuyên sâu về các phương pháp điều dưỡng, đặc biệt là chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.

Tác động môi trường và sức khỏe con người: Hiểu về tác động của môi trường đến sức khỏe con người và các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

2.2. Kỹ năng

Hành nghề theo Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện công việc điều dưỡng theo đúng pháp luật và chuẩn đạo đức, đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc.

Thực hành chăm sóc Điều dưỡng: Thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng.

Giao tiếp và hợp tác: Có khả năng giao tiếp tốt với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng, đặc biệt trong việc tư vấn và giáo dục sức khỏe.

Phòng bệnh và phát hiện sớm dịch bệnh: tham gia các hoạt động phòng bệnh và phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất các biện pháp phòng chống hiệu quả.

Quản lý ngành và đào tạo: Tham gia vào công tác quản lý ngành, nghiên cứu điều dưỡng, và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực điều dưỡng.

2.3. Thái độ

Tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước: Thực hành nghề theo luật pháp và chính sách của nhà nước về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trung thực và thận trọng: Hành động trung thực, thận trọng, và có ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

Tôn trọng quyền lợi của Người bệnh: luôn tôn trọng quyền lợi và sự thoải mái của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

Phát triển nghề nghiệp và học tập liên tục: Có ý thức phát triển nghề nghiệp, sẵn sàng học tập và cập nhật kiến thức mới để nâng cao chất lượng phục vụ.

Mục tiêu nghề nghiệp của Điều dưỡng viên không chỉ đơn giản là hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc bệnh nhân mà còn là xây dựng nền tảng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để mang lại hiệu quả và an toàn tối đa cho bệnh nhân và cộng đồng.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình chăm sóc Điều dưỡng.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CD	1 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội 1/Nội 2/Truyền nhiễm/ Khám bệnh	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	1 tháng
4	Mắt	Khoa RHM-Mắt-TMH	0.5 tháng
5	Tai mũi họng		0.5 tháng
6	Răng hàm mặt		0.5 tháng
7	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	Khoa YHCT-PHCN	1 tháng
8	Da liễu	Khoa Khám bệnh	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.

- Điều dưỡng Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành;

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

7. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH HỘ SINH VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HỘ SINH

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng cao đẳng hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng hộ sinh.

- Người có văn bằng cử nhân hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân hộ sinh.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh cần đạt được:

2.1. Kiến thức:

Khoa học xã hội và tự nhiên: Hiểu biết sâu rộng về các nguyên lý khoa học xã hội và tự nhiên, áp dụng vào việc chăm sóc và phòng ngừa bệnh tật.

Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe và Hộ sinh: Có kiến thức nền tảng và nâng cao của nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực Hộ sinh để có thể chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ và trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.

Tác động môi trường và sức khỏe con người: Hiểu về tác động của môi trường đến sức khỏe con người và các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

2.2. Kỹ năng

Hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện công việc Hộ sinh theo đúng pháp luật và chuẩn đạo đức, đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc.

Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội, y tế cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp.

Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức, tự phát triển chuyên môn liên tục.

Có kỹ năng tư duy hệ thống, tổng hợp kiến thức chung của ngành và chuyên ngành ứng dụng trong thực hành chuyên môn phù hợp hệ thống y tế và hướng dẫn quốc gia.

Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ, trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình

2.3. Thái độ

Tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước: Thực hành nghề theo luật pháp và chính sách của nhà nước về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trung thực và thận trọng: hành động trung thực, thận trọng, và có ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

Tôn trọng quyền lợi của Người bệnh: Luôn tôn trọng quyền lợi và sự thoải mái của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

Phát triển nghề nghiệp và học tập liên tục: Có ý thức phát triển nghề nghiệp, sẵn sàng học tập và cập nhật kiến thức mới để nâng cao chất lượng phục vụ.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình chăm sóc Điều dưỡng.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XIII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	1 tháng
2	Trước sinh, trong sinh, sau sinh	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	5 tháng
3	Phụ khoa, KHHGD		
4	Sơ sinh		
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.

- Điều dưỡng Trưởng khoa lâm sàng, bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SỸ ĐA KHOA VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐA KHOA

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng cao đẳng y sỹ đa khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng y sỹ đa khoa.

- Người có Văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 9 tháng đối với chức danh Y sỹ đa khoa với phạm vi hành nghề đa khoa cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thông thường.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với y sỹ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ



Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục X Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CD	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội 1/Nội 2/Truyền nhiễm/ Khám bệnh	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	1 tháng
4	Nhi khoa	Khoa Nhi	0.5 tháng
5	Sản khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	0.5 tháng
6	Mắt	Khoa RHM-Mắt-TMH	0.5 tháng
8	Răng Hàm mặt		0.5 tháng
9	Tai mũi họng		0.5 tháng
7	Tâm thần	Khoa Ngoại	0.5 tháng
10	Y học cổ truyền	Khoa YHCT-PHCN	0.5 tháng
11	Phục hồi chức năng		0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành			9 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

9. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 9 tháng đối với chức danh Y sỹ Y học cổ truyền với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền cần đạt được:

2.1. Kiến thức:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thông thường.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với Y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XI Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CD	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội 1/Nội 2/Truyền nhiễm/ Khám bệnh	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	0.5 tháng
4	Y học cổ truyền	Khoa YHCT-PHCN	3.5 tháng
5	Phục hồi chức năng		1 tháng
Tổng thời gian thực hành			9 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lòng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.
- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.
- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.
- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.
- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn

thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

10. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HÌNH ẢNH Y HỌC

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học.

- Người có Văn bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học cần đạt được:

2.1 Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.

2.2 Chuyên môn

Thực hiện các kỹ thuật ở các mức độ khác nhau về lĩnh vực hình ảnh y học: chụp X quang, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ; siêu âm; ghi hình phóng xạ, xạ trị và trợ giúp bác sỹ chuyên ngành thực hiện các kỹ thuật hình ảnh can thiệp đảm bảo chính xác, an toàn phóng xạ phục vụ yêu cầu chẩn đoán, điều trị cho bệnh nhân.

Nắm vững các thông số kỹ thuật thiết bị và thực hiện thành thạo các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị y tế.

Hiểu biết về pháp luật và chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CD	1 tháng
2	Hình ảnh y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.
- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.
- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.
- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

11. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ XÉT NGHIỆM Y HỌC

1. Đối tượng thực hành

- Văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Văn bằng cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học cần đạt được:

2.1. Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật xét nghiệm; các quy định về an toàn lao động, an toàn sinh học, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.

2.2. Chuyên môn

Nắm được nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm, kiến thức cơ bản về hóa sinh miễn dịch, huyết học truyền máu, vi sinh - ký sinh trùng, tế bào - mô bệnh học thông thường phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.

Nắm được nguyên tắc, phương pháp pha chế một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường.

Nắm được các quy trình vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng, an toàn sinh học.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục II Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa CC-HSTC-CD	1 tháng
2	Xét nghiệm Y học	Khoa Xét nghiệm	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.
- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.
- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.
- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.
- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.



12. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng của một trong các ngành sau đây: Kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cử nhân vật lý trị liệu, văn bằng cử nhân hoạt động trị liệu, văn bằng cử nhân ngôn ngữ trị liệu, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân của một trong các ngành sau đây: phục hồi chức năng, vật lý trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng cho những người có bệnh hoặc tác động của thương tổn. Thông qua các liệu pháp vật lý như nhiệt, thủy, vận động trị liệu,... giúp bệnh nhân khôi phục các chức năng vận động của cơ thể về thể chất và tinh thần, từ đó giúp họ tái hòa nhập cộng đồng dễ dàng, sử dụng, bảo dưỡng các trang thiết bị.

2.2. Chuyên môn

Phòng ngừa, kiểm soát các cơn đau tối ưu.

Phục hồi và cải thiện các chức năng vốn có về thể chất, tinh thần trong sinh hoạt hàng ngày.

Duy trì chức năng hiện có, hướng dẫn các hoạt động cho bệnh nhân.

Hỗ trợ bệnh nhân tái hòa nhập cộng đồng.

Giảm tình trạng biến chứng, tác dụng phụ có thể xảy ra.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục III Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức cấp cứu	1 tháng
2	Phục hồi chức năng	Khoa YHCT-PHCN	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Trung tâm.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Trung tâm.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Trung tâm hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Trung tâm cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.